

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/DS-PT.

Ngày: 24/9/2021

V/v: “Yêu cầu chia tài sản chung và
hủy giấy chứng nhận QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Th phân hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngũ.

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Minh Hiền

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức S – Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLPT-DS ngày 22/6/2021 về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện LG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2021/QĐ-PT ngày 14/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2021/QĐ-PT ngày 28/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2021/QĐ-PT ngày 27/8/2021, giữa các đương sự:

*** Đồng nguyên đơn:**

1. Cụ Mạc Thị T, sinh năm 1929 (chết ngày 18/3/2020)

2. Ông Ngô Quang Th, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn HG, xã DĐ, huyện LG, Bắc Giang

- Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà T:

1. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1952. (vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1956. (có mặt)

3. Ông Ngô Quang T1, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thượng, xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

4. Ông Ngô Quang Th, sinh năm 1958.

5. Ông Ngô Quang B, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn HG, xã DĐ, huyện LG, Bắc Giang.

Bà H, ông T1 do ông Ngô Quang Th đại diện theo ủy quyền

* Người B vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Ngô Quang Th:

1. Ông Nguyễn Văn Tú, Luật sư thuộc Công T luật TNHH Fanci, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; Địa chỉ: số 344, Nguyễn Thị Minh Khai, Th phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Ông Nguyễn Đại Hải, Luật sư thuộc Công T luật TNHH Fanci, Đoàn luật sư Th phố Hà Nội; Địa chỉ: Tầng 2, nhà B, số 5/1, đường Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Th phố Hà Nội. (có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Ngô Quang B, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn HG, xã DĐ, huyện LG, Bắc Giang

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. (có mặt)

2. Anh Ngô Quang S, sinh năm 1990. (vắng mặt)

3. Chị Ngô Thị P, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HG, xã DĐ, huyện LG, Bắc Giang

4. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1952. (vắng mặt)

5. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1956. (có mặt)

6. Ông Ngô Quang T1, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thượng, xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

7. UBND xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang - Do ông Ngô Văn Nghĩa, cán bộ địa chính xã đại diện theo ủy quyền. (vắng mặt)

8. UBND huyện LG, tỉnh Bắc Giang - Do ông Nguyễn Khánh Hưng, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện LG đại diện theo ủy quyền. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mạc Thị T, do ông Ngô Quang Th đại diện trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Ngô Quang Đề, sinh năm 1933 và cụ Mạc Thị T, sinh năm 1929 sinh được 5 người con là Ngô Thị X (tức Xuyên), Ngô Thị H, Ngô Quang Th, Ngô Quang B và Ngô Quang T1. Các cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Cụ Đề chết ngày 19/4/1969, cụ T chết ngày 18/3/2020 không để lại di chúc.

Diện tích đất 932 m² tại thửa số 52, tờ bản đồ số 27 thuộc thôn Thị (nay là thôn HG), xã DĐ, huyện LG do ông cha để lại. Hiện nay vợ chồng ông Ngô Quang B, bà Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng.

Năm 1979 ông lấy vợ và ở chung cùng gia đình cho đến năm 1982 thì ra ở riêng trên thửa đất do Hợp tác xã cấp ở thôn Đồng, xã DĐ.

Khoảng năm 1988 ông B kết hôn với bà H và ở chung cùng với cụ T.

Đến năm 1990 ông T1 đi bộ đội xuất ngũ và về lấy vợ, cụ T chuyển khẩu và ra ở cùng vợ chồng ông T1 trên thửa đất do ông T1 xin được của Hợp tác xã tại thôn Thượng, xã DĐ.

Đất cũ của cụ Đề và cụ T chỉ còn vợ chồng ông B cùng các con ở. Trên đất có

01 ngôi nhà khung gỗ lợp ngói ba gian, 2 gian nhà ngang do cụ T làm. Năm 1988 cụ T nói với ông B (không có văn bản) là do ông B ở trên đất nên cho ông B khung nhà, ông không ở trên đất cụ cho ông toàn bộ gạch và ngói.

Đến cuối năm 1990 ông B chuyển cho ông 5.000 viên gạch chỉ và 150.000đ tiền ngói, như vậy đã chuyển giao toàn bộ cho nhau xong theo ý của cụ T. Ngoài ra trên đất còn một số cây ăn quả, cụ T đã bán cho vợ chồng ông B thu hoạch quả giá 500.000đ/1 năm. Sau khi thu hoạch quả năm đó xong thì vợ chồng ông B đã chặt hết cây và trồng lại toàn bộ cây khác. Đến năm 2009 cụ T chuyển khẩu và về ở cùng với vợ chồng ông B trên đất cũ.

Cách đây mấy năm cụ Mạc Thị T nhiều lần nói về việc chia đất, họp gia đình để chia đất cho 3 con trai nhưng ông B không đồng ý, nên chưa thực hiện được. Khoảng đầu năm 2018 cụ T tiếp tục mời tất cả các con về họp để thống nhất chia đất cho 3 con trai. Theo dự định của cụ T là chia cho ông B $\frac{1}{2}$ đất, còn lại $\frac{1}{2}$ chia đôi cho ông Th và ông T1 mỗi người một nửa. Do ông B không đồng ý nên việc này chưa lập Th văn bản. Ông xác định diện tích đất nêu trên là tài sản chung của gia đình gồm có cụ Đề, cụ T, bà X, bà H, ông Th, ông B, ông T1. Việc vợ chồng ông B, bà H tự ý đi kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 932 m² là không đúng quy định.

Vì vậy, ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 866747, số vào sổ cấp GCN: CH00392 ngày 13/12/2012 do UBND huyện LG cấp tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 932 m² (trong đó có 400 m² đất ở, 532 m² đất trồng cây lâu năm) mang tên ông Ngô Quang B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: thôn Thị, DD, LG, Bắc Giang.

Yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 932 m² tại thửa số 52, tờ bản đồ số 27 thuộc thôn Thị, DD, LG, Bắc Giang theo hướng chia cho ông B một nửa diện tích đất phía trên = 466 m², còn lại 466 m² phía dưới thì chia đều cho ông và ông T1 mỗi người một nửa = 233 m².

Cụ Mạc Thị T chết ngày 18/3/2020 không để lại di chúc, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ T theo pháp luật gồm: Bà X, bà H, ông Th, ông B, ông T1.

Bà X, ông B đều trình bày: Hiện nay cụ T đã qua đời, ông Th không có quyền khởi kiện. Vì vậy đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ T và ông Th.

Ông Th và bà H, ông T1 (do ông Th đại diện theo ủy quyền) trình bày: Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông B, bà H và chia tài sản chung đối với diện tích đất 932 m² tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27 theo như yêu cầu khởi kiện của cụ T, ông Th.

Tại văn bản trình bày ý kiến và các lời khai tiếp theo, bị đơn là ông Ngô Quang B trình bày:

Diện tích 932 m² (trong đó có 400 m² đất ở, 532 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27 tại thôn Thị, ĐĐ là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông và các con, không phải tài sản chung của gia đình như cụ T, ông Th trình bày. Do vậy cụ T, ông Th khởi kiện chia tài sản chung của gia đình đòi với thửa đất này là không đúng.

Nguồn gốc thửa đất là vợ chồng ông được mẹ cho ½ (phần bên trên) từ năm 1988; còn ½ (phần bên dưới) là do vợ chồng ông mua lại của mẹ từ năm 1994. Việc mua bán hoàn toàn minh bạch công khai, cả gia đình và xóm làng đều biết, vợ chồng ông đã trả đủ cho mẹ số tiền 500.000 đồng. Văn bản giao đất có xác nhận của đại diện chính quyền thôn Thị, cán bộ địa chính và UBND xã ĐĐ. Tất cả các anh chị em trong nhà đều biết việc mẹ bán đất cho vợ chồng ông và không ai thắc mắc gì kể cả ông Th, ông T1. Năm 1989-1990, gia đình đã có sự phân chia tài sản chung là ngôi nhà trên thửa đất, cụ thể: gia đình đã thống nhất chia cho ông Th 3.000 viên gạch + 1 vạn viên ngói; chia cho ông T12 gian nhà dưới và vợ chồng ông được chia bộ khung 3 gian nhà. Đến năm 1991 ông đã xây dựng lại ngôi nhà 3 gian để gia đình sử dụng, sinh sống ổn định không có tranh chấp với bất kỳ ai kể cả các anh chị em ruột trong gia đình. Sau khi mua đất xong, khu đất chỉ là thung vũng sâu. Trong quá trình sử dụng đất và canh tác vợ chồng ông bỏ công sức tận tảo, san lấp, đổ đất xây tường vây xung quanh, xây dựng nhà kiên cố trên đất ổn định và các công trình phụ khác để có khuôn viên như hiện nay. Vợ chồng ông đã sử dụng đất ổn định công khai, không có tranh chấp với ai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước. Do vậy năm 2001 được UBND huyện LG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 13/12/2012 được cấp đổi sau đo đạc thửa 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 932m² địa chỉ thôn Thị, xã ĐĐ mang tên hộ ông Ngô Quang B gồm vợ chồng và 2 con, ngoài ra không còn ai khác. Ông khẳng định UBND huyện LG cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông là đúng quy định của pháp luật, trình tự thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đúng quy định của luật đất đai, hồ sơ cấp giấy chứng nhận được niêm yết công khai cụ thể tại địa phương và không ai có ý kiến gì, kể cả cụ T và các anh chị em trong gia đình. Thời điểm được cấp giấy chứng nhận cả cụ T, ông Th và các gia đình khác cũng đều kê khai đồng loạt để được cấp giấy chứng nhận. Danh sách các gia đình được cấp giấy đều được niêm yết công khai minh bạch không ai có ý kiến gì. Cụ T thời điểm đó chỉ kê khai cấp GCNQSD đất đối với 01 thửa đất của mình là thửa số 57 diện tích 240m² tại thôn Thượng, xã ĐĐ (thửa đất này hiện ông Ngô Quang T1 là người đang quản lý). Cụ T có thời gian dài từ năm 2007 đến ngày 30/4/2018 sinh sống cùng vợ chồng ông. Vợ chồng ông chăm sóc mẹ chu đáo không có điều tiếng gì trong làng, nên không có lý do gì cụ T lại có đơn kiện đòi đất đã bán cho vợ chồng ông. Chỉ đến tháng 5/2018 ông Th đưa cụ T về ở cùng thì vài hôm sau ông Th mang đơn đi kiện đòi chia đất của ông. Việc cụ T điền chỉ vào đơn kiện đều do ông Th xúi giục, cụ T đã ngoài 90 tuổi hoàn toàn không đủ minh mẫn, không làm chủ được hành vi của mình. Mẹ ông nói không biết đơn kiện như thế nào, tất cả đều do ông Th tự ý làm.

Vì vậy, ông không đồng ý và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Mạc Thị T, ông Ngô Quang Th.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Ngô Thị X, bà Nguyễn Thị H, anh Ngô Quang S, chị Ngô Thị P, xác nhận toàn bộ lời khai của ông Ngô Quang B trình bày là đúng và không đồng ý với việc khởi kiện của cụ Mạc Thị T, ông Ngô Quang Th.

Bà Ngô Thị H, ông Ngô Quang T1, xác nhận toàn bộ lời khai của ông Ngô Quang Th là đúng và trình bày:

Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 932m², được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ngô Quang B, bà Nguyễn Thị H đang ở tại thôn Thị, xã DĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của cụ Đề, cụ T và 5 chị em. Đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của gia đình này theo ý nguyện của cụ Mạc Thị T, cụ thể là chia cho ông Ngô Quang B ½ (từ bờ sân lên nhà), còn lại ½ (từ bờ sân xuống dưới vườn) thì chia đôi cho ông Ngô Quang Th và ông Ngô Quang T1 mỗi người được hưởng ½. Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Ngô Quang B, bà Nguyễn Thị H. Các chị em gái không được mẹ chia, nên không yêu cầu gì.

Tại các văn bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã DĐ - Do ông Ngô Văn Nghĩa, cán bộ địa chính xã đại diện theo ủy quyền và UBND huyện LG, do ông Nguyễn Khánh Hưng - Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện LG đại diện theo ủy quyền đều trình bày:

1. Nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H: Theo hồ sơ địa chính được xã DĐ, huyện LG lập năm 2001 gồm bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp GCN thì thửa đất hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H sử dụng là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 932m² tại thôn Thị, xã DĐ từ trước năm 1993; được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 28/12/2001 mang tên hộ ông Ngô Quang B. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Ngô Quang B là đảm bảo đúng theo quy định tại Luật đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Năm 2012 UBND xã DĐ đã tổ chức đo đạc lại bản đồ địa chính thì thửa đất hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H được thể hiện tại thửa đất số 48, tờ bản đồ 72, diện tích 914,3m². Ngày 13/12/2012, UBND huyện cấp đổi GCNQSD đất cho hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H vẫn theo số liệu đo đạc cũ năm 2000. Khi cấp đổi GCNQSD đất thì hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất ổn định, ranh giới, mốc giới rõ ràng, không tranh chấp với các hộ liền kề. GCNQSD đất được cấp đổi năm 2012 thay thế cho GCNQSD cấp năm 2001. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H năm 2012 là đảm bảo đúng theo quy định tại Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Năm 2001 UBND huyện LG đã cấp GCNQSD đất thửa đất số 52, tờ bản đồ 27, diện tích 932m² cho hộ ông Ngô Quang B khi đó hộ ông Ngô Quang B gồm các thành viên sau: Ông Ngô Quang B, bà Nguyễn Thị H, anh Ngô Quang S, chị Ngô

Thị P. Khi cấp GCNQSD đất năm 2001 thì 2 con của ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H còn nhỏ cho nên không có công sức tạo lập tài sản. Do đó UBND huyện khi đó cấp GCN là cấp cho hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H. Cụ Mạc Thị T và ông Ngô Quang Th cho rằng thửa đất số 52, tờ bản đồ 27, diện tích 932m² hiện nay vẫn là tài sản chung của các Th viên trong gia đình cụ Mạc Thị T (gồm cụ Mạc Thị T và các con đẻ) là hoàn toàn không có cơ sở.

- Hiện nay thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H. Do đó việc cụ Mạc Thị T và ông Ngô Quang Th đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BM 866747, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00 392 do UBND huyện LG, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/12/2012 mang tên hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ.

- Theo số liệu đo đạc hiện trạng sử dụng đất và thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2018 xác định diện tích thực tế hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H sử dụng là 923,2m² (*thiếu 8,8m²*) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và bản đồ đo đạc năm 2000. Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì hiện trạng thửa đất của hộ ông Ngô Quang B, bà Nguyễn Thị H đang sử dụng, về ranh giới, mốc giới thửa đất rõ ràng đã xây dựng tường bao ngăn cách với các hộ liền kề. Do đó diện tích chênh lệch 8,8m² giữa đo đạc hiện trạng so với GCN quyền sử dụng đất đã cấp nguyên nhân là do sai số đo đạc, sai số tính toán.

3. Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Mạc Thị T và ông Ngô Quang Th:

Việc UBND huyện LG cấp GCNQSD đất cho hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H năm 2001 và năm 2012 là đảm B đúng theo quy định tại Luật đất đai năm 1993; năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó cụ Mạc Thị T và ông Ngô Quang Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang giải quyết việc tranh chấp phân chia tài sản chung của gia đình là thửa đất số 52, tờ bản đồ 27, diện tích 932m² và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BM 866747, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00 392 do UBND huyện LG, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/12/2012 mang tên hộ ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét giải quyết vụ việc đảm B quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Với những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện LG đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 176, 242 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 155, 212, 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 34, 35, 36, 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 46, 47, 48, 49, 50, 52, 105 Luật đất đai năm 2003; Điều 98, 99, 100 luật đất đai năm 2013; Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang Th, cụ Mạc Thị T (do ông Th, ông T1, bà H là người thừa kế quyền nghĩa vụ) đối với ông Ngô Quang B, cụ thể:

1.1. Yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 932 m² tại thửa số 52, tờ bản đồ số 27 thuộc thôn Thị, DD, LG, Bắc Giang;

1.2. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 866747, số vào sổ cấp GCN: CH00392 ngày 13/12/2012 do UBND huyện LG cấp tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 932 m² (trong đó có 400 m² đất ở, 532 m² đất trồng cây lâu năm) mang tên hộ ông Ngô Quang B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: thôn Thị, DD, LG, Bắc Giang.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Quang Th phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 2.550.000 đồng tiền đo đạc bằng máy. Xác nhận ông Ngô Quang Th đã thanh toán xong số tiền trên.

3. Về án phí: Ông Ngô Quang Th, cụ Mạc Thị T (do ông Th, ông T1, bà H là người thừa kế quyền nghĩa vụ) được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/5/2021, nguyên đơn là ông Ngô Quang Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Quang T1, bà Ngô Thị H nộp đơn kháng cáo;

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Luật sư B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Quang Th đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì:

- Trong đơn khởi kiện, Cụ T và ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết 2 vấn đề là chia tài sản chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Ngô Quang B, Nguyễn Thị H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính cá biệt của UBND huyện LG

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính và Điều 34 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý và giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền.

- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Quang B, Nguyễn Thị H không có quyết định cấp đất cho ông B, có nhiều sai sót trong biên bản xét duyệt, tờ trình, quyết định cấp đất lần đầu....

- Chưa làm rõ ký của cụ T trong biên bản giao đất ngày 24/3/1994 có phải do cụ T ký ra không.

+ Ông Ngô Quang B, chị Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo.

+ Ông Ngô Quang T1, bà Ngô Thị H đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Dại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của cụ Mạc Thị T và ông Ngô Quang Th giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Ngô Quang Th, anh Ngô Quang T1, chị Ngô Thị H đảm B hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

UBND huyện LG, UBND xã DĐ, bà Ngô Thị X, anh Ngô Quang S, chị Ngô Thị P vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Xét yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng 932 m² thuộc thôn HG, xã DĐ, huyện LG, Bắc Giang, HĐXX thấy rằng:

Các đương sự đều thừa nhận ½ diện tích đất tranh chấp là cụ T đã cho vợ cH ông B, bà H và không đề nghị giải quyết. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định ½ đất thuộc quyền sử dụng của ông B, bà H.

Đối với ½ diện tích đất còn lại, mặc dù ông Th, bà H, ông T1 cho rằng biên bản giao đất ngày 24/3/1994 có nội dung là chỉ bán cho ông B thu hoạch H màu chứ không phải là bán đất cho ông B, HĐXX thấy rằng: Khoảng 1 năm sau khi bán thì ông B đã chặt bỏ hoàn toàn H màu, xây dựng tường bao, đào ao, xây nhà... nhưng không có ai ngăn cản hoặc xảy ra tranh chấp gì. Kể từ đó vợ cH ông B, bà H đã sử dụng ổn định và đóng thuế cho nhà nước từ năm 1994 đến nay, không xảy ra tranh chấp gì.

Năm 2001, UBND xã DĐ thông báo để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn xã, việc thông báo rộng rãi trên toàn xã, ai cũng biết nhưng cụ T không kê khai đối với ½ diện tích đất này. Điều đó chứng minh là cụ T đã bán cho ông B diện tích đất trên và từ bỏ quyền quản lý, sử dụng.

Tại biên bản giao đất ngày 24/3/1994 ghi rõ: “...Hiện tại tôi có mảnh vườn trước cửa nhà thằng B con trai thứ hai tôi, nay tôi tuổi cao sức yếu không canh

tác được nữa, vậy tôi giao cho thằng B con trai thứ hai tôi toàn quyền sử dụng và đóng thuế đối với nhà nước kể từ năm 1994 về sau. Và tôi yêu cầu nó đưa cho tôi 500 nghìn đồng để tôi bồi dưỡng tuổi già...”.

Người B về quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th, ông Th, bà H, ông T1 cho rằng chữ ký trong “Biên bản giao đất” ngày 24/3/1994 không phải của cụ T và đề nghị giám định chữ ký. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu các đương sự nêu trên cung cấp mẫu chữ ký của cụ T giai đoạn những năm 1994 để làm mẫu so sánh nhưng các đương sự không cung cấp được bất cứ tài liệu nào có chữ ký của cụ T. Do đó các đương sự phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn lời khai của những người làm chứng có chữ ký trong “biên B giao đất” (ông Lương Văn Nền là trưởng thôn, Trần Văn Nguyên là cán bộ địa chính, ông Mạc Văn Tâm là phó chủ tịch UBND xã ĐĐ thời điểm năm 1994), HĐXX thấy có căn cứ xác định chữ ký tại phần “*người viết đơn và giao đất: mẹ Mạc thị T*” là chữ ký của cụ T.

Từ những những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định toàn bộ 932 m² đất tại thửa số 52, tờ bản đồ số 27 thuộc thôn Thị, xã ĐĐ, được UBND huyện LG giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên hộ ông Ngô Quang B, bà Nguyễn Thị H là tài sản riêng của ông B, bà H.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là 932m² đất là có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 866747, số vào sổ cấp GCN: CH00392 ngày 13/12/2012 do UBND huyện LG cấp tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 932 m² mang tên ông Ngô Quang B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: thôn Thị, xã ĐĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, HĐXX thấy rằng:

Như đã nhận định ở trên, HĐXX xác định toàn bộ 932 m² đất tại thửa số 52, tờ bản đồ số 27 thuộc thôn Thị, xã ĐĐ là tài sản riêng của ông B bà H. Do đó UBND huyện LG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho vợ chồng ông B, bà H là đúng đối tượng được cấp.

Các luật sư B về quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th cho rằng hồ sơ cấp đất thiếu biên bản xét duyệt, quyết định cấp đất không đúng mẫu.... HĐXX thấy rằng, các thiếu sót nêu trên không làm thay đổi bản chất của sự việc, do đó không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho vợ chồng ông B, bà H, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Quang Th, bà Ngô Thị H, anh Ngô Quang T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện LG đã xử.

2. Về án phí:

- Ông Ngô Quang Th, cụ Mạc Thị T (do ông Th, ông T1, bà H là người thừa kế quyền nghĩa vụ) được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Ngô Quang T1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012270 ngày 20/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ